

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 30/2025/KDTM-ST

Ngày: 29-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung

Ông Nguyễn Minh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2025/KDTM-ST ngày 04/4/2025 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH X; địa chỉ: Căn số I, đường T, giai đoạn 3A1, KCN BW S, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Sam Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số H, khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 26/8/2025); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần X1; địa chỉ: Đường D, khu công nghiệp P, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Thu B, sinh năm 1972; địa chỉ: C, KDC J, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T,

Thành phố Hồ Chí Minh) là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần X1); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/6/2025, ngày 29/9/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH X và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty X) chuyên cung cấp các loại sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít. Ngày 02 tháng 01 năm 2023, Công ty X và Công ty Cổ phần X1 (gọi tắt là Công ty X1) ký kết Hợp đồng nguyên tắc số: HS2023001-NVL với nội dung: Bên A (bên bán) Công ty X sẽ cung cấp sơn UV các loại cho bên B (bên mua) Công ty X1; số lượng, chủng loại cung cấp cho Công ty X1 dựa theo từng đơn đặt hàng của Công ty X1; ngày giao hàng được xác định căn cứ vào xác nhận đơn đặt hàng của người có thẩm quyền của Công ty X1. Khi giao nhận hàng hóa, hai bên lập biên bản giao nhận được đại diện có thẩm quyền của hai bên ký xác nhận số lượng, chất lượng, quy cách,... Thời gian giao hàng: Chia thành nhiều đợt theo yêu cầu của bên Công ty X1 thể hiện cụ thể trên từng đơn đặt hàng; ngày giao hàng sẽ được xác định căn cứ vào xác nhận đơn đặt hàng của người đại diện có thẩm quyền của Công ty X1. Thời hạn thanh toán: Sau 60 ngày kể từ ngày Công ty X giao hàng đầy đủ và xuất hóa đơn cho bên Công ty X1 theo từng đơn đặt hàng; thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Hợp đồng nguyên tắc có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2023.

Mặc dù Hợp đồng nguyên tắc số HS20230011-NVL ký ngày 02 tháng 01 năm 2023 đã hết hiệu lực vào năm 2024, nhưng từ tháng 3 năm 2024 đến tháng 10 năm 2024, Công ty X1 đã gửi tổng cộng 6 đơn đặt hàng, với tổng số lượng đặt hàng là 25.055kg sơn UV các loại. Dựa theo hợp đồng nguyên tắc đã ký kết trước đó và dựa trên nhu cầu mua hàng của Công ty X1 thông qua các đơn đặt hàng mà Công ty X1 cung cấp, Công ty X đã tiến hành giao hàng sơn UV các loại cho Công ty X1, được chia thành 19 đợt giao hàng tương ứng với 19 phiếu giao hàng đã được Công ty X1 xác nhận sau mỗi đợt giao. Số lượng mà Công ty X giao cho Công ty X1 tổng cộng là 17.420kg sơn UV các loại. Tiền mua hàng hóa của Công ty X1 đối với Công ty X được xác định qua các hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền là 1.611.483.000 đồng (một tỷ, sáu trăm mười một triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng), cụ thể như sau:

- Hóa đơn số 00000088 ngày 25/05/2024: Từ ngày 15/4/2024 tới ngày 18/5/2024, Công ty X đã giao 05 đợt tổng cộng 5.765kg sơn UV các loại, tương ứng với tổng giá trị tiền thanh toán là 699.699.000 đồng, số tiền đã thanh toán là 84.849.000 đồng, số tiền chưa thanh toán là 614.850.000 đồng.

- Hóa đơn số 00000117 ngày 26/06/2024; ngày 18/6/2024, Công ty X đã giao 02 đợt tổng cộng 1.615kg sơn UV các loại, tương ứng với tổng giá trị tiền thanh toán là 203.808.000 đồng, chưa thanh toán khoản tiền nào.

- Hóa đơn số 00000141 ngày 25/07/2024; ngày 27/6/2024, Công ty X đã giao 01 đợt tổng cộng 1.375kg sơn UV các loại, tương ứng với tổng giá trị tiền thanh toán là 161.628.500 đồng, chưa thanh toán khoản tiền nào.

- Hóa đơn số 00000170 ngày 26/08/2024; trong các ngày 27/6/2024, 06/8/2024, 08/8/2024, 15/8/2024: Công ty X đã giao 04 đợt tổng cộng 2.705kg sơn UV các loại, tương ứng với tổng giá trị tiền là 333.624.500 đồng, chưa thanh toán khoản tiền nào.

- Hóa đơn số 00000195 ngày 26/09/2024; ngày 14/9/2024: Công ty X đã giao 02 đợt tổng cộng 2.470kg sơn UV các loại, tương ứng với tổng giá trị tiền thanh toán là 297.572.000 đồng, chưa thanh toán khoản tiền nào.

Công ty X đã nhiều lần nhắc nhở, email và liên hệ trực tiếp để yêu cầu thanh toán nhưng không nhận được phản hồi và phía Công ty X1 liên tục trì hoãn. Điều này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty X và vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng đã ký.

Ngày 10/3/2025, Công ty X nộp đơn khởi kiện yêu cầu Công ty X1 trả cho Công ty X số tiền chưa thanh toán là 1.611.483.000 đồng (một tỷ, sáu trăm mười một triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Ngày 23/6/2025, Công ty X nộp đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu Công ty X1 phải thanh toán cho Công ty X số tiền nợ gốc: 415.151.000 đồng theo Hóa đơn số 00000071 ngày 26/4/2024.

Như vậy, tổng cộng số tiền Công ty X1 phải thanh toán cho Công ty X là 2.026.634.000 đồng. Ngoài ra, Công ty X1 phải trả nợ lãi tạm tính từ ngày 01/06/2024 đến hết ngày 01/08/2025 (lãi suất 0,8%/tháng): 243.196.080 đồng.

Ngày 29/9/2025, Công ty X nộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty X1 về thanh toán số tiền 415.151.000 đồng theo Hóa đơn số 00000071 ngày 26/4/2024 vì Công ty X1 đã thanh toán đủ số tiền 415.151.000 đồng. Công ty X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện còn lại, buộc Công ty X1 phải thanh toán số tiền nợ gốc: 1.611.483.000 đồng (một tỷ, sáu trăm mười một triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng) và tiền lãi: 171.632.148 đồng (một trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi tám đồng); tổng cộng: 1.783.115.148 đồng (một tỷ, bảy trăm tám mươi ba triệu, một trăm mười lăm nghìn, một trăm bốn mươi tám đồng).

Bị đơn Công ty X1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty X1 tại trụ sở Công ty. Tuy nhiên, Công ty X1 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đồng thời, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn gửi bảng kê chi tiết số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 29/9/2025: Tính đến ngày 29/9/2025, bị đơn

Công ty X1 còn nợ số tiền 1.783.115.148 đồng; trong đó, nợ gốc: 1.611.483.000 đồng; tiền lãi: 171.632.148 đồng với mức lãi suất 9,6%/năm, cụ thể:

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000088 ngày 25/05/2024: Số tiền lãi tính từ ngày 30/7/2024 đến ngày 29/9/2025 là 73.782.000 đồng;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000117 ngày 26/06/2024: Số tiền lãi tính từ ngày 30/8/2024 đến ngày 29/9/2025 là 22.826.496 đồng;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000141 ngày 25/7/2024: Số tiền lãi tính từ ngày 30/9/2024 đến ngày 29/9/2025 là 16.809.364 đồng;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000170 ngày 26/08/2024: Số tiền lãi tính từ ngày 30/9/2024 đến ngày 29/9/2025 là 32.027.952 đồng;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000195 ngày 26/9/2024: Số tiền lãi tính từ ngày 30/9/2024 đến ngày 29/9/2025 là 26.186.336 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X đối với bị đơn Công ty Cổ phần X1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty X cầu bị đơn Công ty X1 thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán từ việc mua bán hàng hóa là sơn UV các loại. Từ nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Do bị đơn Công ty X1 có địa chỉ tại đường D, khu công nghiệp P, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn Công ty X1: Tại các bút lục từ 130 đến 132, từ 142 đến 144 thể hiện: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho Công ty X1 nhưng không có người nhận. UBND phường H xác nhận Công ty X1 có trụ sở tại đường D, khu công nghiệp P, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng hiện nay Công ty không còn hoạt động từ trước tháng 01 năm 2025. Tại đường D, khu công nghiệp P, khu phố D, phường H có bảng hiệu Công ty X1 nhưng công ty đóng cửa, không có công nhân làm việc; không biết trụ sở mới công ty ở đâu.

Văn bản số 598/ĐKKD ngày 13/5/2025, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh B xác nhận Công ty X1 có mã số doanh nghiệp: 3700578320, đăng ký lần đầu ngày 02/7/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 01/9/2024; địa chỉ công ty: Đường D, khu công nghiệp P, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; người đại diện theo pháp luật là bà Lê Thị Thu B.

Tình trạng pháp lý: Công ty X1 chưa đăng ký thay đổi nội dung hay giải thể doanh nghiệp.

Căn cứ Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện đăng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; thời điểm thực hiện các thủ tục tố tụng tại Tòa án theo Thông báo số 01/TB-TA ngày 12/8/2025 (bút lục 138) nhưng bị đơn Công ty X1 và người đại diện hợp pháp của công ty vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Về số tiền nợ gốc: Nguyên đơn Công ty X yêu cầu bị đơn Công ty X1 phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 2.026.634.000 đồng. Ngày 29/9/2025, Công ty X nộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty X1 về thanh toán số tiền 415.151.000 đồng theo Hóa đơn số 00000071 ngày 26/4/2024 vì theo Công ty X thì Công ty X1 đã thanh toán đủ số tiền 415.151.000 đồng. Công ty X khởi kiện buộc Công ty X1 phải thanh toán số tiền nợ gốc 1.611.483.000 đồng (một tỷ, sáu trăm mười một triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng) và tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 415.151.000 đồng.

Xét: Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn xuất trình để khởi kiện bị đơn là Hợp đồng nguyên tắc số HS20230011-NVL ký ngày 02 tháng 01 năm 2023; các Hóa đơn giá trị gia tăng: Số 00000088 ngày 25/05/2024, số 00000117 ngày 26/06/2024, số 00000141 ngày 25/07/2024; số 00000170 ngày 26/08/2024; 00000195 ngày 26/9/2024; các phiếu xuất hàng và các đơn đặt hàng tương ứng với các hóa đơn giá trị gia tăng. Mặc dù, Hợp đồng nguyên tắc số HS20230011-NVL đã hết hiệu lực từ ngày 31/12/2023 nhưng nguyên đơn Công ty X vẫn tiếp tục giao hàng cho Công ty X1 theo các Hóa đơn giá trị gia tăng, các phiếu giao hàng, cụ thể:

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000088 ngày 25/05/2024: Số tiền Công ty X1 phải thanh toán là 699.699.000 đồng, theo các phiếu xuất hàng sơn UV các loại vào các ngày: 25/4/2024, 04/5/2024, 09/5/2024, 17/5/2024. Tại các phiếu xuất hàng, người xuất đơn là nhân viên Công ty X ký tên và người nhận hàng là nhân viên Công ty X1 (các nhân viên tên T1, B1, C ký nhận phiếu)

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000117 ngày 26/06/2024: Số tiền Công ty X1 phải thanh toán là 203.808.000 đồng theo hai phiếu xuất hàng sơn UV các loại cùng ghi ngày 18/6/2024. Tại các phiếu xuất hàng, người xuất đơn là nhân viên Công ty X tên C1 ký tên và người nhận hàng là nhân viên Công ty X1 tên C ký tên.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000141 ngày 25/7/2024: Số tiền Công ty X1 phải thanh toán là 161.628.500 đồng theo phiếu xuất hàng sơn UV ngày 27/6/2024. Tại phiếu xuất hàng, người xuất đơn là nhân viên Công ty X và người nhận hàng là nhân viên Công ty X1 tên C ký tên.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000170 ngày 26/08/2024: Số tiền Công ty X1 phải thanh toán là 333.624.500 đồng theo các phiếu xuất hàng sơn UV các loại vào các ngày: 06/8/2024, 08/8/2024, 15/8/2024. Tại phiếu xuất hàng, người xuất đơn là nhân viên Công ty X và người nhận hàng là nhân viên Công ty X1 tên B1 ký tên.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000195 ngày 26/9/2024: Số tiền Công ty X1 phải thanh toán là 297.572.000 đồng theo hai phiếu xuất hàng sơn UV các loại vào cùng ngày 14/9/2024. Tại phiếu xuất hàng, người xuất đơn là nhân viên Công ty X và người nhận hàng là nhân viên Công ty X1 tên B1 ký tên.

Xét thấy, bị đơn đã nhận hàng hóa của nguyên đơn giao, ký nhận hàng tại các phiếu xuất hàng do nguyên đơn lập xác nhận khối lượng hàng hóa đã nhận. Nhưng bị đơn đã không thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn theo đúng cam kết là đã vi phạm thỏa thuận của các bên về thời hạn thanh toán và vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 1.611.483.000 đồng (một tỷ, sáu trăm mười một triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều: 50, 55 của Luật Thương mại.

[2.2] Về tiền lãi chậm trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả theo từng hóa đơn với lãi suất 0,8%/tháng (tương ứng 9,6%/năm), cụ thể:

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000088 ngày 25/05/2024: Số tiền lãi tính từ ngày 30/7/2024 đến ngày 29/9/2025 là 73.782.000 đồng;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000117 ngày 26/06/2024: Số tiền lãi tính từ ngày 30/8/2024 đến ngày 29/9/2025 là 22.826.496 đồng;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000141 ngày 25/7/2024: Số tiền lãi tính từ ngày 30/9/2024 đến ngày 29/9/2025 là 16.809.364 đồng;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000170 ngày 26/08/2024: Số tiền lãi tính từ ngày 30/9/2024 đến ngày 29/9/2025 là 32.027.952 đồng;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000195 ngày 26/9/2024: Số tiền lãi tính từ ngày 30/9/2024 đến ngày 29/9/2025 là 26.186.336 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi là: 171.632.148 đồng.

Điều 306 của Luật Thương mại quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Căn cứ vào bảng lãi suất do Ngân hàng N, Ngân hàng TMCP N1 và Ngân hàng TMCP C2 cung cấp thì việc Công ty X yêu cầu lãi suất 9,6%/năm là phù hợp nên được chấp nhận theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Theo Hợp đồng nguyên tắc số HS20230011-NVL ký ngày 02 tháng 01 năm 2023 thì thời hạn thanh toán quy định: Sau 60 ngày kể từ ngày Công ty X giao hàng đầy đủ và xuất hóa đơn cho bên Công ty X1 theo từng đơn đặt hàng; thanh toán bằng hình thức chuyển khoản; hồ sơ thanh toán gồm hóa đơn giá trị gia tăng,... Do đó, tiền lãi được tính như sau:

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000088 ngày 25/05/2024 (tính từ ngày 26/7/2024 đến ngày 29/9/2025): $614.850.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm} 02 \text{ tháng} 05 \text{ ngày} \times 9,6\%/năm = 69.683.000 \text{ đồng}$.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000117 ngày 26/06/2024 (tính từ ngày 27/8/2024 đến ngày 29/9/2025): $203.808.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm} 01 \text{ tháng} 03 \text{ ngày} \times 9,6\%/năm = 21.359.076 \text{ đồng}$.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000141 ngày 25/7/2024 (tính từ ngày 26/9/2024 đến ngày 29/9/2025): $161.628.500 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm} 03 \text{ ngày} \times 9,6\%/năm = 15.645.636 \text{ đồng}$.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000170 ngày 26/08/2024 (tính từ ngày 27/10/2024 đến ngày 29/9/2025): $333.624.500 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng} 02 \text{ ngày} \times 9,6\%/năm = 29.536.888 \text{ đồng}$.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000195 ngày 26/9/2024: (tính từ ngày 27/11/2024 đến ngày 29/9/2025): $297.572.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} 02 \text{ ngày} \times 9,6\%/năm = 23.964.464 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi là: 160.189.064 đồng; không chấp nhận yêu cầu của Công ty X về việc yêu cầu Công ty X1 trả số tiền lãi: 11.443.084 đồng (171.632.148 đồng - 160.189.064 đồng).

[3] Từ phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc: 1.611.483.000 đồng và tiền lãi: 159.424.528 đồng, tổng cộng: 1.770.907.528 đồng.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều: 147, 227, 228, 180, 238, 244, 266, 267 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Các Điều: 24, 50, 55, 306 của Luật Thương mại;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X về việc yêu cầu Công ty Cổ phần X1 thanh toán số tiền 415.151.000 đồng (bốn trăm mười lăm triệu, một trăm năm mươi một nghìn đồng)

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X với bị đơn Công ty Cổ phần X1 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

2.1. Buộc Công ty Cổ phần X1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH X tổng số tiền là 1.771.672.064 đồng (một tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, không trăm sáu mươi bốn đồng); trong đó, tiền nợ gốc là 1.611.483.000 đồng (một tỷ, sáu trăm mười một triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn) và tiền lãi là 160.189.064 đồng (một trăm sáu mươi triệu, một trăm tám mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH

X việc yêu cầu Công ty Cổ phần X1 thanh toán số tiền lãi 11.443.084 đồng (mười một triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, không trăm tám mươi bốn đồng).

3. Về chi phí đăng báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Công ty TNHH X phải chịu 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần X1 phải chịu 65.150.162 đồng (sáu mươi lăm triệu, một trăm năm mươi nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng).

Công ty TNHH X phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); khấu trừ vào số tiền 122.381.020 đồng (một trăm hai mươi hai triệu, ba trăm tám mươi một nghìn, không trăm hai mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009495 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) và Biên lai thu tiền số 0002203 ngày 07/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Thi hành án dân sự Thành phố H trả lại cho Công ty TNHH X số tiền 119.381.020 đồng (một trăm mười chín triệu, ba trăm tám mươi một nghìn, không trăm hai mươi đồng) còn thừa.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15 - Tp. HCM;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Kim Thoa